

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2020

THÔNG BÁO

Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2020

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 289/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 13 về việc phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, phân bổ ngân sách cấp Tỉnh năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thông báo công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2020, gồm các nội dung sau:

1. Cân đối ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2020 chi tiết tại Biểu số 59/CK-NSNN;
2. Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2020 chi tiết tại Biểu số 60/CK-NSNN;
3. Ước thực hiện chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2020 chi tiết tại Biểu số 61/CK-NSNN.

Hình thức công khai: thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thông báo đến các cơ quan, địa phương được biết./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- CT và các PCT/UBND Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH;
- Sở Tài chính (thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử Tỉnh (thực hiện);
- Lưu VT, KT/HS (16 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thiện Nghĩa

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	So sánh Ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	8.495.000	6.363.493	74,91	100,47
I	Thu cân đối NSNN	8.495.000	6.363.493	74,91	100,47
1	Thu nội địa	8.425.000	6.285.632	74,61	100,27%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	70.000	77.860	111,23	137,38%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	13.686.690	9.785.657	71,50	101,97
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	12.181.277	7.855.035	64,48	88,50
1	Chi đầu tư phát triển	3.191.485	1.970.778	61,75	62,36
2	Chi thường xuyên	8.373.843	5.830.272	69,62	103
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.000	77		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.000	2.000	100,00	100
5	Chi dự phòng ngân sách	233.960	0	0,00	0
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	378.989	0		0,00
7	Chi trả nợ gốc vốn vay kiên cố hoá kênh mương, cụm tuyến dân cư		51.908		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.474.513	779.853	52,89	147
III	Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại	30.900			
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				
E	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NĂM SAU		1.150.769		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	So sánh Ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	8.495.000	6.363.493	74,91%	100,47%
I	Thu nội địa	8.425.000	6.285.632	74,61%	100,27%
	<i>Thu nội địa (không kể tiền sử dụng đất, XSKT)</i>	<i>6.365.000</i>	<i>4.095.869</i>	<i>64,35%</i>	<i>88,04%</i>
1	Thu từ DNNN	750.000	461.249	61,50%	86,69%
2	Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	60.000	62.036	103,39%	105,05%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.410.000	943.946	66,95%	87,44%
4	Thuế thu nhập cá nhân	580.000	403.329	69,54%	99,86%
5	Thu phí xăng, dầu, thuế bảo vệ môi trường	2.510.000	1.517.395	60,45%	88,36%
6	Lệ phí trước bạ	345.000	196.343	56,91%	85,49%
7	Thu phí, lệ phí	187.000	129.935	69,48%	103,07%
8	Các khoản thu về nhà, đất	748.000	711.050	95,06%	110,87%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	633		64,82%
-	Thuế nhà đất /thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	9.030	112,88%	95,94%
-	Thu tiền sử dụng đất	600.000	648.570	108,10%	131,20%
-	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	140.000	52.696	37,64%	42,03%
-	Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước	0	121		1,08%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	6.000	26.246	437,43%	148,52%

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	So sánh Ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	55.000	52.872		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.460.000	1.541.193	105,56%	137,38%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	4.000	694	17,35%	43,97%
13	Thu khác ngân sách	310.000	239.344	77,21%	113,72%
II	Thuế xuất nhập khẩu	70.000	77.860	111,23%	119,38%
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	6.718.700	5.249.037	78,13%	102,86%
1	Từ các khoản thu phân chia	3.625.175	2.363.697	65,20%	89,74%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	3.093.525	2.885.340	93,27%	116,86%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.686.690	9.785.657	71,50	101,97
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	12.181.277	7.855.035	64,48	88,50
I	Chi đầu tư phát triển	3.191.485	1.970.778	61,75	62,36
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.919.533	1.775.641	60,82	63,53
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-	37.057		
3	Chi đầu tư phát triển khác	271.952	158.080		
II	Chi thường xuyên	8.373.843	5.830.272	69,62	103,30
	Trong đó:				
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.653.123	2.320.783	63,53	101,14
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	31.000	8.664	27,95	65,02
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	764.071	613.144	80,25	111,86
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	77.000	51.398	66,75	106,39
5	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	34.956	14.817	42,39	124,83
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	34.000	22.068	64,91	99,71
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	143.469	85.559	59,64	93,77
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.582.205	755.566	47,75	82,66
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.344.176	1.099.149	81,77	106,04
10	Chi đảm bảo xã hội	420.000	519.818	123,77	175,46
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.000	77		0,11
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.000	2.000	100,00	100,00

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
V	Chi dự phòng ngân sách	233.960	-		
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	378.989	-		
VII	Chi trả nợ gốc vốn vay KCHKM, CTDC		51.908		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.474.513	779.853	52,89	147,18
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	426.575	321.170	75,29	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	906.600	458.683	50,59	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	141.338	0	0,00	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NĂM SAU		1.150.769		
D	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN CHO VAY VỀ CHO VAY LẠI	30.900			